

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Phương;

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Hữu và ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Công Bình - Thư ký;

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 106/2023/TLPT-HS ngày 18/4/2023 đối với bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thành H** sinh ngày 23/02/1975 tại Bình Định. Nơi cư trú: Số 70 Y B ÊBan, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: Lái xe, trình độ học vấn: 9/12, dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Thành P0 và con bà: Trần Thị T0. Bị cáo có vợ là Bùi Thị Cẩm M và có 01 con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 04/10/2001 bị cáo bị UBND huyện V, tỉnh Bình Định quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, thời hạn 12 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng và cố ý gây thương tích, ngày 09/9/2002 chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Lê Thị T và anh Nguyễn Kim H1 có mối quan hệ vợ chồng. Vào đầu năm 2022, T biết anh H1 có mối quan hệ tình cảm với chị Ngô Thị Ngọc T1 (sinh năm: 1983, trú tại: 82/7 N, phường T, thành phố B) nên đã nhờ Trần Công H2 (là người làm thuê cho bị cáo T) tìm người theo dõi anh H1 với chi phí 1.000.000 đồng/ngày thì H2 đồng ý.

Đến ngày 14/02/2022 H2 tìm gặp Lê Xuân P để theo dõi anh H1, thỏa thuận tiền công P được nhận là 500.000 đồng/ngày và cài ứng dụng định vị vào chiếc xe mô tô của anh H1 trên chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max, màu vàng của P để phục vụ việc theo dõi. Sau đó, P rủ Nguyễn Thành H cùng giúp P theo dõi anh H1 và thỏa thuận trả công cho H 250.000 đồng/ngày thì H đồng ý.

Đến khoảng 15 giờ ngày 19/3/2022, P theo dõi biết anh H1 đang ở tại nhà nghỉ Q, địa chỉ: 10 Tuệ Tĩnh, phường E, thành phố B nên báo cho H2 biết và H2 nói cho T biết. Sau đó T gọi điện cho Lê Thị N (là em ruột của T, sinh năm: 1991, trú tại: Hẻm 81, đường 19/5, phường E, thành phố B) và Nguyễn Thị L (là em ruột của anh

Nguyễn Kim H1, sinh năm: 1992, trú tại: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) cùng đi đến nhà nghỉ Q để tìm gặp anh H1.

Lúc này, H2 gọi cho P và Dương Quốc K (sinh năm: 1988, trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk) đến nhà nghỉ Q để giúp T tìm và phát hiện việc anh H1 quan hệ tình cảm với chị T1 thì P và K đồng ý. Sau đó, P điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade, màu đen, biển số 47B2-360.41 cùng với H đi đến nhà nghỉ Q, T đón xe taxi (không đặc điểm, biển số xe) đến trước nhà nghỉ thì gặp Trần Thị H3 (là bạn hàng của T, sinh năm: 1985, trú tại: 154 T, phường T, thành phố B).

Khi thấy T đi vào nhà nghỉ nên H3 đi theo vào rồi lần lượt K, P đến rồi cùng T vào quầy lễ tân gặp ông Nguyễn Hồng C (là quản lý nhà nghỉ, sinh năm: 1952) thì được ông C dẫn P cùng T đến phòng 206, gõ cửa. Khi nghe tiếng gõ cửa thì T1 ra mở cửa. P và T vào phòng thấy anh H1 đang ở trong nhà vệ sinh rồi lần lượt K, H3, N, L cùng vào trong phòng 206. Khi đó H3, N, L đứng một góc trong phòng, K đứng cạnh cửa chính của nhà nghỉ được đóng.

Tại đây, T nói chuyện với anh H1 và chị T1 về việc anh H1 và T1 có mối quan hệ tình cảm với nhau rồi hỏi P có giấy và bút không mục đích yêu cầu T1 viết bản tường trình thì P nói không có nên P xuống quầy lễ tân xin 01 tờ giấy kẻ ngang và 01 cây bút bi mực xanh mang lên phòng đưa cho T1. P yêu cầu T1 viết lại toàn bộ nội dung việc T1 và anh H1 có quan hệ bất chính.

Do T1 nói không đúng sự thật về mối quan hệ tình cảm với T nên P bức tức dùng tay phải tát 01 cái vào mặt T1. Khi T1 viết xong thì T nói P cầm chiếc điện thoại Iphone XS Max của P bật chế độ quay camera về phía T1 rồi T bắt ép T1 và anh H1 cởi quần áo diễn lại tư thế ôm nhau trên giường để P quay lại. Mục đích là để làm bằng chứng về việc anh H1 và chị T1 có mối quan hệ bất chính với nhau tại nhà nghỉ. P nói K, H3, N và L vào nhà vệ sinh để không cho nhìn thấy việc T1 và H1.

Khoảng 02 phút sau, P quay xong thì H1 và T1 mặc quần áo. Do bức tức về việc Thuý có quan hệ tình cảm với anh H1 nên T dùng tay nắm tóc và đánh tát nhiều cái vào mặt và cào vào vùng cổ của T1. Lúc này, L, N, H3, K từ phòng vệ sinh đi ra. N thấy T túm tóc đánh tát T1 thì đến can ngăn. Sau đó, T nói P đi chở mẹ của T1 lên nhà nghỉ trên để chứng kiến việc T1 và anh H1 quan hệ bất chính.

P ra ngoài gặp H, nói với H đi xuống nhà T1 chở bà Vũ Thị Băng T2 (là mẹ đẻ của T1, sinh năm: 1960, trú tại: 82/7 N, phường T, thành phố B) lên nhà nghỉ thì H đồng ý. P quay lại phòng yêu cầu T1 phải viết giấy trả số tiền 120.000.000 đồng là tiền chi phí thuê người theo dõi. T cùng đồng ý với P về số tiền 120.000.000 đồng. T1 nói không có tiền trả còn anh H1 xin cho T1 chỉ trả số tiền 50.000.000 đồng nhưng T và P không đồng ý.

Sau đó, P đọc cho T1 viết vào tờ giấy nội dung trả số tiền 120.000.000 đồng cho anh H1 trong vòng 01 tuần sẽ trả đủ nhưng T và P không đồng ý, nên yêu cầu T1 gạch đi và viết lại phải trả đủ tiền trong vòng 02 ngày. Lúc này, bà Vũ Thị Băng T2 đến thì T nói lại cho bà T2 biết sự việc Thuý và H1 có quan hệ tình cảm. T1 đọc nội dung giấy cam kết trả số tiền 120.000.000 đồng cho bà T2 nghe. Bà T2 nói không có tiền xin giảm tiền lại nhưng T và P không đồng ý vẫn yêu cầu T1 buộc phải trả đủ số tiền 120.000.000 đồng. T nói “*Để xem thái độ hai người có thành*

khẩn không, nếu còn bố lão sẽ đăng lên mạng” nên bà T2 đã đồng ý kí vào giấy làm người chứng kiến trả số tiền trên.

Sau khi viết giấy xong thì T giữ tờ giấy trên rồi tất cả đi về. Sau đó, T gặp và kể lại cho H2 nghe về việc T và P quay phim và yêu cầu buộc T1 phải viết giấy trả số tiền 120.000.000 đồng rồi T nói với H2 số tiền trên T không liên quan, H2 muốn làm gì thì làm. T không ngăn cản H2 mà để mặc hậu quả xảy ra.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, H2 hẹn gặp P và H tại quán cà phê địa chỉ: 45 N, phường T, thành phố B để uống cà phê. Tại đây, P kể lại cho H và H2 biết sự việc tại nhà nghỉ Q khi H đứng ngoài, T và P quay phim, ép buộc T1 viết giấy trả nợ số tiền 120.000.000 đồng. P và H2 thống nhất với nhau đối với số tiền 120.000.000 đồng sẽ yêu cầu T1 phải trả đủ. P sẽ được chia 50.000.000 đồng tiền công và chia lại cho H 25.000.000 đồng còn 70.000.000 đồng H2 giữ lại tự xử lý với T.

Đến ngày 21/03/2022, H2 gọi điện thoại cho anh H1 để anh H1 nói với chị Thuý trả tiền cho P nhưng T1 nói trời mưa hẹn hôm sau. Sau đó H2 đưa số điện thoại của T1 để P gọi điện yêu cầu T1 trả tiền. Đến ngày 22/3/2022 H1 gọi điện thoại nói H2 đến quán cà phê V, địa chỉ: 21B M, phường T, thành phố B để làm chứng việc P lấy tiền của T1 đưa thì H2 đồng ý. P rủ H cùng đi đến quán cà phê V, để lấy tiền của T1 thì H đồng ý.

Khi P, H2, H đến quán cà phê V để lấy số tiền 120.000.000 đồng, T1 nói mới chuẩn bị được 50.000.000 đồng, muốn nhận tiền phải viết giấy biên nhận có người chứng kiến, số tiền còn lại sẽ trả sau 02 đến 03 ngày nữa thì P đồng ý. P nhờ H đi mua 01 cuốn vở giấy kẻ ngang để viết giấy biên nhận tiền thì H đồng ý. H1 nói P giảm số tiền xuống cho T1 còn 80.000.000 đồng thì T1 sẽ trả số tiền còn lại trong buổi chiều cùng ngày thì P đồng ý. Để không phải viết giấy nhận tiền nhiều lần, P đã viết giấy biên nhận nội dung anh H1 đã nhận số tiền 80.000.000 đồng còn P làm người chứng kiến (do H1 không biết chữ nên nhờ P viết) nhưng không đưa giấy cho T1 khi T1 trả đủ tiền như thỏa thuận P sẽ đưa giấy.

Sau khi P viết xong, T1 đưa 01 sấp tiền được đựng trong phong bì cho P nói là 50.000.000 đồng. P cầm trên tay phong bì trên, rồi đặt trên bàn thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột phát hiện bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 07/03/2023 của TAND TP Buôn Ma Thuột đã quyết định: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 03 năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án. Ngoài ra, bản án còn quyết định đối với 03 bị cáo khác, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 09/3/2023 bị cáo Nguyễn Thành H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cơ bản đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Bị cáo trình bày lý do xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo là: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nghe theo và có vai trò thứ yếu trong vụ án, đã

cùng với các bị cáo khác bồi thường thỏa đáng cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cha đẻ là ông Nguyễn Thành P0 là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường T, TP B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau: Sau khi đánh giá tính chất, mức độ, H3 quả hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội. Xét mức hình phạt 03 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ để giảm hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết mới là có cha đẻ là ông Nguyễn Thành P0 là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước, là tình tiết giảm nhẹ quy định ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, trong vụ án này, bị cáo có vai trò thứ yếu, có có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa một phần bản án sơ thẩm, xử phạt bị cáo 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo không có tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo giảm hình phạt và được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 19/3/2022 đến ngày 22/3/2022 tại thành phố B, các bị cáo Trần Công H2 và Nguyễn Thành H đã có hành vi giúp sức cho các bị cáo Lê Xuân P, Lê Thị T đe dọa, uy hiếp tinh thần, yêu cầu chị Ngô Thị Ngọc T1 viết giấy trả tiền nhằm chiếm đoạt số tiền là 120.000.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột bắt quả tang. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thành H về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt, hưởng án treo của bị cáo:

Mức hình phạt 03 năm tù về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, H3 quả hành vi phạm tội của bị

cáo, do vậy không có cơ sở để giảm hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo chỉ nghe theo và có vai trò thứ yếu trong vụ án, đã cùng với các bị cáo khác bồi thường thỏa đáng cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cha đẻ là ông Nguyễn Thành P0 là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có nơi làm việc ổn định và nơi cư trú rõ ràng, có xác nhận của địa P nơi cư trú là Ủy ban nhân dân phường T, TP B.

Căn cứ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo phạm tội nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), không có tình tiết tăng nặng cho nên bị cáo đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, điểm a, b khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không nhất thiết phải bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần cho bị cáo hưởng án treo - là biện pháp chấp hành hình phạt tù có điều kiện, giao bị cáo cho chính quyền địa P nơi cư trú và gia đình kết hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Về yêu cầu kháng cáo của bị cáo:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H - Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 07/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành H .

[2] Về tội danh, hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thành H phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H : 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (Ngày 29/5/2023).

Giao bị cáo Nguyễn Thành H cho UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thành H có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2019 từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thành H phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp bị cáo Nguyễn Thành H thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo Nguyễn Thành H phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Thành H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Bị cáo Nguyễn Thành H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2023/HS-ST ngày 07/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Duy Phương